

Số: 91 /CV-PTIC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Giải trình chênh lệch và phương án khắc phục ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Trước hết Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Ủy ban và Quý Sở đã nhiệt tình hỗ trợ Công ty chúng tôi công bố thông tin trong thời gian qua.

- Tên công ty : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN ( PTIC)
- Người đại diện: Nguyễn Công Khởi
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mã CP: PTC niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 V/v: Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã gửi báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh do Công ty TNHH PKF Việt Nam phát hành. PTIC xin giải trình nguyên nhân nộp muộn và chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán, một số ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

### 1. Nguyên nhân nộp muộn:

Ngày 20/06/2018, Chúng tôi ký hợp đồng kiểm toán số: 206/2018/HĐKT/PKF.NHN về việc: Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty

PTIC đã phục vụ đoàn kiểm toán từ ngày 21/01/2019. Trong suốt thời gian làm việc chính thức từ 21/01/2019 đến 27/01/2019 và sau đó, chúng tôi đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, giải trình theo yêu cầu của đoàn kiểm toán. Do sự thay đổi nhân sự của bên Kiểm toán, nhưng bên PKF không bố trí người tiếp nhận hồ sơ của PTIC dẫn đến BCTC bị phát hành muộn (Mặc dù PTIC đã nhiều lần liên lạc và gửi công văn yêu cầu Công ty PKF làm việc tiếp và phát hành báo cáo tài chính). Đến ngày 19/04/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện mới nhận được báo cáo kiểm toán hợp nhất do đơn vị kiểm toán phát hành (BCTC kiểm toán ký ngày 18/04/2019), gây ảnh hưởng đến thời gian công bố thông tin bị chậm so quy định.

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện xin nhận thiếu sót này và sẽ lưu ý về việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời trong thời gian tới.

### 2. Sai lệch một số chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh do các nguyên nhân sau:

STT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
A	Bảng cân đối kế toán				
1	Phải thu ngắn hạn khách	42,642,436,857	43,277,797,247	635,360,390	Do bù trừ KH có công nợ

	hàng				131 và 331
2	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	37,815,360,108	36,203,881,127	-1,611,478,981	Do bù trừ KH có công nợ 138 và 338
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-54,839,270,169	-51,468,094,920	3,371,175,249	Do hoàn nhập 1 số công nợ đã trích lập các năm trước
4	Hàng tồn kho	10,230,895,843	8,993,607,730	-1,237,288,113	Do Kế toán chưa HT 154 sang 632
5	Phải trả người bán ngắn hạn	13,548,522,952	14,183,883,342	635,360,390	Do bù trừ KH có công nợ 131 và 331
6	Phải trả ngắn hạn khác	10,613,843,604	9,369,468,423	-1,244,375,181	
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	72,280,984,386	272,014,317,722	199,733,333,336	ĐC khoản TP từ dài hạn sang ngắn hạn
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	199,733,333,336	0	-199,733,333,336	ĐC khoản TP từ dài hạn sang ngắn hạn
9	LNST chưa phân phối năm nay	-57,300,520,066	-52,257,964,773	5,042,555,293	do sự thay đổi các yếu tố trên
<b>B</b>	<b>Bảng kết quả kinh doanh</b>				
1	Giá vốn hàng bán	52,667,111,127	26,689,877,705	-25,977,233,422	Do HT 154-632 và ĐC chi phí dự án Vinh sang 811
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng	-30,111,887,062	2,577,841,968	32,689,729,030	Do HT 154-632 và ĐC chi phí dự án Vinh sang 811
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22,977,945,604	19,667,303,548	-3,310,642,056	Do hoàn nhập 1 số công nợ đã trích lập các năm trước
4	Thu nhập khác	1,608,438,497	955,195,561	-653,242,936	Bù trừ NG và GTCL của TSCD thanh lý
5	Chi phí khác	10,607,787,882	44,018,227,896	33,410,440,014	ĐC chi phí dự án Vinh từ 632 sang 811
6	Lợi nhuận khác	-8,999,349,385	-43,063,032,335	-34,063,682,950	do sự thay đổi các yếu tố trên
7	Lợi nhuận trước thuế	-53,887,365,356	-53,173,195,305	714,170,051	do sự thay đổi các yếu tố trên

### 3. Một số ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

“Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán số đầu kỳ, tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản mục hàng tồn kho (mã số 140), tài sản dở dang dài hạn (mã số 240), phải trả người bán (mã số 311), phải trả ngắn hạn khác (mã số 319) và phải trả dài hạn khác (mã số 337) tại ngày 01 tháng 01 năm 2018. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng công nợ phải thu (bao gồm khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu ngắn hạn khác) và công nợ phải trả (bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) chưa được đối chiếu lẫn lượt là 55.532.503.544 đồng (chiếm 11,53% tổng tài sản), 35.353.496.537 đồng (chiếm 7,34% tổng tài sản). Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận, tuy nhiên tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không nhận được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ nêu trên. Đồng thời, Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác, tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính đầy đủ và giá trị của khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của công ty.

Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là 8.852.269.428 đồng. Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã được ghi nhận cũng như các yếu tố liên quan của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của công ty ».

**Giải trình của PTIC:** Do Công ty PTIC thi công rất nhiều các công trình với các chủ đầu tư khác nhau, thời gian thi công kéo dài, có những công trình từ năm 2012 tới nay, với nhiều chi nhánh miền Nam, miền Trung và Hà Nội. Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018, yêu cầu tập hợp hóa đơn, chứng từ các công trình còn dở dang trên từ khi thi công, tuy nhiên do thời gian yêu cầu cung cấp hồ sơ quá ngắn (yêu cầu ngày 1/4/2019), số liệu kéo dài qua các năm chúng tôi chưa đáp ứng kịp yêu cầu này của kiểm toán. Các chi phí kinh doanh dở dang trên đều được tạo thành từ các chứng từ ( nguyên vật liệu, ca máy, phí bảo lãnh...và chi phí nhân công) đều đã được thanh tra thuế và các đơn vị kiểm toán trước khẳng định số liệu đúng đắn và chính xác

« Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng với tổng số tiền là 12.746.061.033 đồng cho các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên theo qui định hiện hành đến cuối năm tài chính 2017, Công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp từ năm 2017 trở về trước với số tiền là 12.673.844.648 đồng. Theo đó, trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2018, chỉ tiêu “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” sẽ tăng lên số tiền là 12.673.844.648 đồng, chỉ tiêu “lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi số tiền tương ứng ».

**Giải trình của PTIC:** Do số lượng khách hàng và đối tác của Công ty PTIC lớn ( mấy trăm khách hàng) bao gồm cả cá nhân và công ty. Khi chúng tôi gửi đối chiếu công nợ có những cá nhân, đơn vị thay đổi địa chỉ kinh doanh và số điện thoại dẫn đến khó khăn trong công tác đối chiếu công nợ.

Do trong năm 2017 Công ty thực hiện hồ sơ đối chiếu xác nhận công nợ khách hàng, bảng kê công nợ và các chứng từ liên quan khác, chưa có đầy đủ yếu tố để đánh giá các khoản công nợ nên công ty không trích lập dự phòng các khoản công nợ trên.

« Công ty con là Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông có dấu hiệu ngừng hoạt động từ giữa năm 2017 và Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông không lập Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở là Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông tại ngày 31/12/2017, với tổng giá trị tài sản ngắn hạn là 8.214.666.472 đồng, tổng giá trị tài sản dài hạn là 6.997.349.733 đồng, tổng công nợ phải trả là 1.689.881.624 đồng và vốn chủ sở hữu là 13.522.134.581 đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục có liên quan từ việc sử dụng Báo cáo tài chính của công ty trên tại ngày 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2018 của Công ty”

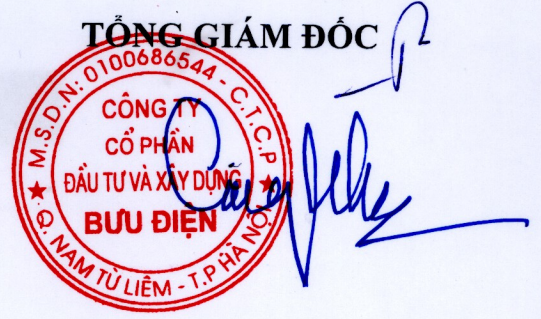
**Giải trình của PTIC:** Hiện tại Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông có dấu hiệu ngừng hoạt động do hoạt động không hiệu quả. HĐQT và Ban lãnh đạo PTIC sẽ xin ý kiến về việc giải thể Công ty con PTIC-ZTE trong đại hội đồng cổ đông 2019.

Công ty CP đầu tư và xây dựng Bưu Điện xin giải trình đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

**Trân trọng cảm ơn!**

Nơi nhận

- Như Kính gửi
- Lưu TCKT, TH



*Nguyễn Công Khởi*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 - 7
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 48

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 10 năm 2017.

#### 2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Võ Anh Linh  
Bà Phạm Thị Thu Hà  
Ông Nguyễn Đức Lương  
Bà Nguyễn Thị An Ly  
Ông Nguyễn Công Khởi

##### Chức vụ

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02/10/2018)  
Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02/10/2018)  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2018)

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Công Khởi

##### Chức vụ

Tổng Giám đốc

##### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Phong  
Ông Hoàng Trung Dũng  
Ông Phạm Vĩnh Phú

##### Chức vụ

Trưởng Ban kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên

##### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Công Khởi - Tổng Giám đốc.

#### 3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

##### Tên đối tượng

Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng bưu điện 1  
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC  
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu

##### Mối quan hệ

Công ty con  
Công ty con  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

#### 5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám Đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

#### 7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Công Khởi**

Số: 72/2019/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Chủ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện được lập ngày 18 tháng 4 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 48 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán số đầu kỳ, tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản mục hàng tồn kho (mã số 140), tài sản dở dang dài hạn (mã số 240), phải trả người bán (mã số 311), phải trả ngắn hạn khác (mã số 319) và phải trả dài hạn khác (mã số 337) tại ngày 01 tháng 01 năm 2018. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng công nợ phải thu (bao gồm khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu ngắn hạn khác) và công nợ phải trả (bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) chưa được đối chiếu lẫn lượt là 55.532.503.544 đồng (chiếm 11,53% tổng tài sản), 35.353.496.537 đồng (chiếm 7,34% tổng tài sản). Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận, tuy nhiên tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không nhận được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ nêu trên. Đồng thời, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác, tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tình hiện hữu, tính đầy đủ và giá trị của khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tình hiện hữu và giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là 8.852.269.428 đồng. Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã được ghi nhận cũng như các yếu tố liên quan của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của công ty.

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng với tổng số tiền là 12.746.061.033 đồng cho các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên theo qui định hiện hành đến cuối năm tài chính 2017, Công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp từ năm 2017 trở về trước với số tiền là 12.673.844.648 đồng. Theo đó, trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2018, chỉ tiêu "Dự phòng nợ phải thu khó đòi" sẽ tăng lên số tiền là 12.673.844.648 đồng, chỉ tiêu "lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Công ty con là Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông có dấu hiệu dừng hoạt động từ giữa năm 2017 và Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông không lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở là Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, với tổng giá trị tài sản ngắn hạn là 8.214.666.472 đồng, tổng giá trị tài sản dài hạn là 6.997.349.733 đồng, tổng công nợ phải trả là 1.689.881.624 đồng và vốn chủ sở hữu là 13.522.134.581 đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục có liên quan từ việc sử dụng Báo cáo tài chính của Công ty trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31/12/2018 của Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 66.184.275.947 đồng, Công ty hầu như không hoạt động kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh chính mà chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán, do đó, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là âm 76.934.694.377 đồng. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 570, đây là một trong các dấu hiệu nghi ngờ về tính hoạt động liên tục của Công ty.

Trong năm 2018, Công ty xử lý các tài sản tồn đọng từ nhiều năm trước không có khả năng thu hồi theo biên bản họp xử lý kiểm kê ngày 01/01/2019 và Nghị quyết số 51/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Quản trị. Việc ghi nhận trên làm chỉ tiêu “Chi phí khác” trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018 tăng số tiền là 39.050.704.932 đồng và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm đi số tiền tương ứng; trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, các chỉ tiêu “Tài sản thiếu chờ xử lý” giảm số tiền là 1.687.007.566 đồng, “Hàng tồn kho” giảm số tiền là 5.627.918.492 đồng, “Phải thu ngắn hạn khác” giảm số tiền 196.878.000 đồng, “Chi phí phải trả ngắn hạn” giảm số tiền là 2.266.420.956 đồng, “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” giảm số tiền là 33.805.321.830 đồng và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm đi số tiền là 39.050.704.932 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31/03/2018.

### Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Chu Quang Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1022-2018-242-1

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2018-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>355.032.151.291</b>	<b>420.911.721.583</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.204.506.049</b>	<b>29.445.872.122</b>
Tiền	111		1.704.506.049	24.445.872.122
Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	5.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.7</b>	<b>255.035.946.279</b>	<b>192.148.381.388</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		252.619.413.279	192.827.409.604
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.113.467.000)	(919.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.530.000.000	239.971.784
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.186.702.697</b>	<b>154.448.058.129</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	43.277.797.247	116.776.116.653
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.272.921.743	10.051.412.273
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	48.900.197.500	22.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	36.203.881.127	43.662.194.603
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(51.468.094.920)	(40.228.672.966)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.687.007.566
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>8.993.607.730</b>	<b>41.925.385.286</b>
Hàng tồn kho	141		13.502.579.014	46.515.862.570
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.508.971.284)	(4.590.477.284)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.611.388.536</b>	<b>2.944.024.658</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.034.599	336.848.147
Thuế GTGT được khấu trừ	152		556.767.677	556.767.677
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	2.044.586.260	2.050.408.834
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>126.502.650.599</b>	<b>172.197.899.920</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>56.815.000</b>	<b>43.157.012.500</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	-	43.100.197.500
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	56.815.000	56.815.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.986.171.212</b>	<b>8.285.164.085</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.986.171.212	2.933.356.085
- Nguyên giá	222		10.401.679.314	18.492.204.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.415.508.102)	(15.558.848.001)
Tài sản cố định vô hình	227		-	5.351.808.000
- Nguyên giá	228		378.200.000	5.730.008.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.200.000)	(378.200.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.10</b>	<b>12.624.197.695</b>	<b>46.429.519.498</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	33.805.321.803
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.624.197.695	12.624.197.695
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.7</b>	<b>111.746.068.964</b>	<b>73.711.941.791</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		111.746.068.964	22.393.684.994
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.930.000.000	56.248.256.797
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>89.397.728</b>	<b>614.262.046</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		89.397.728	520.837.857
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	93.424.189
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>481.534.801.890</b>	<b>593.109.621.503</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>310.760.631.875</b>	<b>359.297.581.077</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>308.989.706.420</b>	<b>157.961.952.591</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	14.183.883.342	47.246.355.364
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.266.052.856	7.496.891.911
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	6.071.849.601	8.707.482.760
Phải trả người lao động	314		672.473.053	5.556.219.567
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	4.303.099.186	8.373.110.843
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	9.369.468.423	35.322.586.975
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	272.014.317.722	44.962.968.162
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.562.237	296.337.009
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.770.925.455</b>	<b>201.335.628.486</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.641.607.273	1.226.061.818
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	45.000.000	642.900.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	199.466.666.668
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		84.318.182	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>170.774.170.015</b>	<b>233.812.040.426</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>170.774.170.015</b>	<b>233.812.040.426</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.999.990.000	179.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.999.990.000	179.999.990.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		35.684.263.731	35.684.263.731
Cổ phiếu quỹ	415		(10.792.686.881)	(10.792.686.881)
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.646.195.601	27.749.199.570
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(66.184.275.947)	(14.131.006.614)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.926.311.174)	(19.184.357.266)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(52.257.964.773)	5.053.350.652
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.420.683.511	15.302.280.620
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>481.534.801.890</b>	<b>593.109.621.503</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Công Khởi

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>29.267.719.673</b>	<b>155.420.825.275</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>29.267.719.673</b>	<b>155.420.825.275</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	26.689.877.705	141.883.607.810
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>2.577.841.968</b>	<b>13.537.217.465</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	22.289.824.861	50.896.561.629
Chi phí tài chính	22	6.4	25.570.360.681	17.265.414.924
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.593.477.440	29.825.982.739
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		11.037.687.293	(3.897.715.737)
Chi phí bán hàng	25	6.5	777.852.863	5.047.888.543
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	19.667.303.548	33.198.406.509
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(10.110.162.970)</b>	<b>5.024.353.381</b>
Thu nhập khác	31	6.6	955.195.561	3.017.878.718
Chi phí khác	32	6.7	44.018.227.896	5.112.648.111
Lợi nhuận khác	40		(43.063.032.335)	(2.094.769.393)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(53.173.195.305)</b>	<b>2.929.583.988</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	13.604.562	464.687.514
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(9.106.007)	(93.424.189)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(53.177.693.860)</b>	<b>2.558.320.663</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(52.257.964.773)	5.008.687.233
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(919.729.087)	(2.450.366.570)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(3.224)	284
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(3.224)	284

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Công Khời

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu số B 03-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(53.173.195.305)</b>	<b>2.929.583.988</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	503.448.733	2.086.007.189
Các khoản dự phòng	03	12.940.528.033	(21.035.499.073)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.863.804.904	(25.763.255.761)
Chi phí lãi vay	06	24.593.477.440	29.825.982.739
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(3.185.398.954)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(9.271.936.195)</b>	<b>(15.142.579.872)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	17.673.113.266	72.867.067.409
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	13.018.358.297	(16.469.339.943)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(14.599.899.603)	(26.961.597.359)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	460.702.554	1.093.520.116
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(59.792.003.675)	(9.028.588.144)
Tiền lãi vay đã trả	14	(24.379.022.905)	(29.844.778.390)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.006.116)	(1.988.558.459)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(76.934.694.377)</b>	<b>(25.474.854.642)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(2.176.922.727)	(237.105.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.004.454.545	2.383.719.435
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(10.630.000.000)	(133.674.197.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.800.000.000	88.584.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(33.047.959.880)	(83.895.422.485)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	(3.716.819.172)	70.666.128.274
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.061.641.902	9.949.421.490
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.705.605.332)</b>	<b>(46.223.455.786)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(10.792.686.881)
2. Tiền thu từ đi vay	33	93.866.123.066	562.121.338.006
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.422.189.430)	(501.035.561.264)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>66.398.933.636</b>	<b>50.293.089.861</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 03-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(24.241.366.073)	(21.405.220.567)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	29.445.872.122	50.851.092.689
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5.204.506.049	29.445.872.122

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Đoan Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Công Khời

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 10 năm 2017.

Số vốn điều lệ của Công ty là 179.999.990.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications Investment and Construction Joint Stock Company (PTIC.,JSC). Công ty đã thực hiện niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán PTC.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 32 người (tại ngày 31/12/2017 là 94 người).

Trong năm, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung tại ngày 16/04/2018 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2 tại ngày 13/02/2018. Tại ngày 31/12/2018, cấu trúc của doanh nghiệp như sau:

<b>Công ty mẹ</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng Công ty	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 3	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 5	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 7	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tòa nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B09-DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ Viễn Thông	Hà Nội	72,97%	72,97%	Sản xuất, kinh doanh thiết bị công nghệ, viễn thông. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	Hà Nội	68,09%	68,09%	
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA - OFC	Hà Nội	25%	25%	Sản xuất kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ viễn thông
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (*)	Hà Giang	24,38%	24,38%	Sản xuất và kinh doanh thủy điện

(\*) Đầu tư theo nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc đầu tư, sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất tách biệt khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

#### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất

các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### **4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

##### **4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 08 năm

##### **4.5.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau :

Phần mềm máy tính	03 năm
-------------------	--------

#### **4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận

theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

#### **4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư tài chính.

Dự phòng đầu tư tài chính của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần

vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí mua bảo hiểm...

#### **4.9 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.



#### **4.10 Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

#### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### **Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua/bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

##### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

#### **4.12 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

***Hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**4.13 Giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**4.14 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

**4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

**4.16 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Áp dụng theo quy định hiện hành.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.18 Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt (i)	126.783.042	603.128.333
Tiền gửi ngân hàng (ii)	1.577.723.007	16.169.643.790
Tiền đang chuyển	-	7.673.099.999
Các khoản tương đương tiền (iii)	3.500.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.204.506.049</b>	<b>29.445.872.122</b>

**(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		126.783.042
<b>Cộng</b>		<b>126.783.042</b>

**(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
<b>Ngoại tệ</b>	<b>436</b>	<b>10.093.400</b>
Đô la Mỹ (USD)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	436	10.093.400
<b>Đồng Việt Nam</b>		<b>1.567.629.607</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân		328.069.294
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Tây Hà Nội		113.062.823
Công ty cổ phần Chứng khoán IB		189.988.198
Công ty CP chứng khoán SG - Chi nhánh Hà Nội		61.861.275
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình		790.359.461
Các ngân hàng khác		84.288.556
<b>Cộng</b>		<b>1.577.723.007</b>

**(iii) Số dư các khoản tương đương tiền vào ngày 31/12/2018 bao gồm**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
<b>Đồng Việt Nam</b>		<b>3.500.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân		3.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>3.500.000.000</b>

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân lãi suất 4,1%/năm - 4,5%/năm, tự động gia hạn khi hết hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>43.277.797.247</b>	<b>116.776.116.653</b>
Công ty Viễn thông liên tỉnh	5.632.520.587	2.665.429.040
Viễn thông tỉnh Nam Định	3.521.074.800	6.441.713.184
Viễn thông Sơn La	3.736.107.625	1.386.929.989
Tập đoàn viễn thông Quân đội	1.441.338.056	3.065.958.491
Bưu điện thành phố Hà Nội	564.044.815	-
Phải thu các khách hàng khác	28.382.711.364	103.216.085.949
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>43.277.797.247</b>	<b>116.776.116.653</b>

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.272.921.743</b>	<b>10.051.412.273</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	1.238.690.800
Công ty TNHH TM DV XD Hà Bảo Châu	507.301.367	507.301.367
Các khách hàng khác	2.880.634.576	6.659.125.106
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.272.921.743</b>	<b>10.051.412.273</b>

**5.4 Phải thu về cho vay**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (*)	26.100.197.500	-
Ông Trần Quang Ninh (**)	22.400.000.000	22.100.000.000
Ông Tạ Anh Tú (***)	400.000.000	400.000.000
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>48.900.197.500</b>	<b>22.500.000.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	-	43.100.197.500
<b>Cộng</b>	-	<b>43.100.197.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- (\*) Khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay theo các hợp đồng cho vay vốn với thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt với lãi suất 11%/năm. Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho vay này được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất xi măng và các phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly. Khoản phải thu về cho vay này được phân loại từ dài hạn sang ngắn hạn theo các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập Báo cáo tài chính. Chi tiết như sau:
- Hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 05 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 24.300.000.000 đồng.
  - Hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV-PTIC SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV -PTIC - SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 5.880.000.000 đồng.
  - Hợp đồng vay vốn số 1412/HĐVV-PTIC SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 3.000.000.000 đồng.
- (\*\*) Khoản cho ông Trần Quang Ninh vay theo các hợp đồng số 2308/HĐVV-PTIC ngày 23/08/2017, 1409/HĐVV-PTIC ngày 14/09/2017, 2109/HĐVV ngày 21/09/2017, 2509/HĐVV-PTIC ngày 25/09/2017, 2712/HĐVV-PTIC ngày 27/12/2017 và 1901/HĐVV-PTIC ngày 19/01/2018 và các phụ lục gia hạn, với thời hạn vay 18 tháng kể từ ngày nhận tiền vay với lãi suất 12%/năm. Mục đích của khoản cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (\*\*\*) Khoản cho ông Tạ Anh Tú vay theo hợp đồng số 3012/HĐVV-PTIC ngày 30 tháng 12 năm 2016 thời hạn vay là 06 tháng, và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TAT-PTIC ngày 25 tháng 06 năm 2017 gia hạn thời gian vay 18 tháng. Số tiền cho vay là 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 13,5%/năm. Mục đích cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu các khoản tạm ứng	23.216.174.379	34.905.182.963
<i>Tạm ứng công trình xây lắp</i>	22.593.902.865	34.099.613.599
+ Ông Đậu Xuân Minh – Xí nghiệp 1	1.144.519.646	1.144.519.646
+ Ông Hồ Văn Tuyên - Đội công trình số 1	1.290.869.717	1.667.554.677
+ Ông Lê Hồng Quang - Xí nghiệp 1	2.919.177.572	2.919.177.572
+ Ông Tạ Minh Châu - Xí nghiệp 7	1.453.049.838	1.453.049.838
+ Ông Nguyễn Thành Nam - CN Hồ Chí Minh	2.553.350.025	2.553.350.025
+ Các đối tượng khác	13.232.936.067	24.361.961.841
<i>Tạm ứng sản xuất kinh doanh</i>	622.271.514	805.569.364
Ký quỹ, ký cược	50.000.000	990.969.105
Lãi cho vay Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly	7.768.112.718	3.013.187.914
Lãi cho vay ông Trần Quang Ninh	3.913.999.999	830.900.000
Phải thu các đối tượng khác	1.255.594.031	3.921.954.621
<b>Cộng</b>	<b>36.203.881.127</b>	<b>43.662.194.603</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	56.815.000	56.815.000
<b>Cộng</b>	<b>56.815.000</b>	<b>56.815.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	12.513.023.308	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	19.166.999	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.852.269.428	-	25.034.214.612	-
Thành phẩm nhập kho	-	-	391.337.917	-
Hàng hoá	4.650.309.586	4.508.971.284	8.534.283.149	4.590.477.284
Hàng gửi bán	-	-	23.836.585	-
<b>Cộng</b>	<b>13.502.579.014</b>	<b>4.508.971.284</b>	<b>46.515.862.570</b>	<b>4.590.477.284</b>

**5.7 Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện (i)	20.000	1.175.000.000	975.000.000	20.000	1.175.000.000	919.000.000
Tổng công ty Viglacera (ii)	737.400	13.246.790.425	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (iii)	13.729.416	233.212.155.854	-	10.066.180	191.652.409.604	-
Công ty cổ phần thủy điện Định Bình (iv)	131.000	4.985.467.000	138.467.000	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>252.619.413.279</b>	<b>1.113.467.000</b>		<b>192.827.409.604</b>	<b>919.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- (i) Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện (PTP) được tính theo số lượng cổ phần mà Công ty nắm giữ nhân với giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 10.000 đồng/cổ phiếu trên sàn giao dịch Upcom do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang nắm giữ 20.000 cổ phiếu này.
- (ii) Giá trị hợp lý Tổng Công ty Viglacera (VGC) được tính theo số lượng cổ phần mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhân với giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 18.200 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang nắm giữ 737.400 cổ phiếu này.
- (iii) Giá trị hợp lý Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GEX) được tính theo số lượng cổ phần mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhân với giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 22.150 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang nắm giữ 13.729.416 cổ phiếu này.
- (iv) Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (TDB) được tính theo số lượng cổ phần mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhân với giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 37.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang nắm giữ 131.000 cổ phiếu này.

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.530.000.000	3.530.000.000	239.971.784	239.971.784
<b>Cộng</b>	<b>3.530.000.000</b>	<b>3.530.000.000</b>	<b>239.971.784</b>	<b>239.971.784</b>

(\*) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,4%/ năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.7 Các khoản đầu tư tài chính****c. Đầu tư vào Công ty liên kết**

	31/12/2018				01/01/2018		
	Giá gốc	Lãi lỗ liên doanh liên kết	Tổng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Lãi lỗ liên doanh liên kết	Tổng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC	14.210.875.000	9.053.650.723	23.264.525.723	(*)	14.210.875.000	8.182.809.994	22.393.684.994
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	84.116.216.677	4.365.326.564	88.481.543.241	(**)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>98.327.091.677</b>	<b>13.418.977.287</b>	<b>111.746.068.964</b>		<b>14.210.875.000</b>	<b>8.182.809.994</b>	<b>22.393.684.994</b>

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên.

(\*\*) Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu lấy theo số lượng cổ phần nhân giá đóng cửa ngày 28/12/2018 của cổ phiếu này là 22.000 đồng/ cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018				01/01/2018			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng
	cổ phần	(VND)	hợp lý (VND)	(VND)	cổ phần	(VND)	hợp lý (VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Công nghệ Cáp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000	4.930.000.000	(*)	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000	(*)	4.930.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông	-	-	-	-	25.000	250.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	-	-	-	-	3.409.600	51.068.256.797	76.375.040.000	-
<b>Cộng</b>		<b>4.930.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.930.000.000</b>		<b>56.248.256.797</b>	<b>76.375.040.000</b>	<b>4.930.000.000</b>

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty nêu trên tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty nêu trên. Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện đang lâm vào tình trạng phá sản nên theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC trích lập 100% giá trị khoản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.8 Nợ xấu**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	51.540.311.304	72.216.384	51.468.094.920	40.761.704.904	533.031.938	40.228.672.966
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-	-	-
Từ 1 năm đến 2 năm	144.432.769	72.216.384	72.216.385	144.432.769	144.432.769	-
Công an tỉnh Lâm Đồng	43.823.000	21.911.500	21.911.500	43.823.000	43.823.000	-
Công ty viễn thông liên tỉnh	100.609.769	50.304.884	50.304.885	100.609.769	100.609.769	-
Từ 2 năm đến 3 năm	-	-	-	-	-	-
Trên 3 năm	51.395.878.535	-	51.395.878.535	40.617.272.135	388.599.169	40.228.672.966
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	-	1.646.295.000	1.646.295.000	-	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	-	1.238.690.800	1.238.690.800	-	1.238.690.800
Ông Phạm Tùng Việt	2.377.134.286	-	2.377.134.286	2.377.134.286	-	2.377.134.286
Ông Nguyễn Ngọc Anh	1.642.295.608	-	1.642.295.608	1.642.295.608	-	1.642.295.608
Ông Nguyễn Thành Nam	2.553.350.025	-	2.553.350.025	2.553.350.025	-	2.553.350.025
Bà Trần Thị Tâm	1.861.652.035	-	1.861.652.035	1.861.652.035	-	1.861.652.035
Ông Nguyễn Huy Giang	1.173.280.126	-	1.173.280.126	1.173.280.126	-	1.173.280.126
Các đối tượng khác	38.903.180.655	-	38.903.180.655	28.124.574.255	388.599.169	27.735.975.086
<b>Cộng</b>	<b>51.540.311.304</b>	<b>72.216.384</b>	<b>51.468.094.920</b>	<b>40.761.704.904</b>	<b>533.031.938</b>	<b>40.228.672.966</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị dụng cụ, quản lý (VND)	Cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	<b>2.408.726.995</b>	<b>8.735.429.908</b>	<b>5.882.390.298</b>	<b>1.465.656.885</b>	<b>18.492.204.086</b>
Mua trong năm	2.101.272.727	75.650.000	-	-	2.176.922.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.436.090.909)	(1.668.925.455)	-	(4.105.016.364)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(2.354.914.624)	(2.057.972.530)	(1.749.543.981)	-	(6.162.431.135)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>2.155.085.098</b>	<b>4.317.016.469</b>	<b>2.463.920.862</b>	<b>1.465.656.885</b>	<b>10.401.679.314</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	<b>1.438.351.607</b>	<b>7.699.606.925</b>	<b>4.955.232.584</b>	<b>1.465.656.885</b>	<b>15.558.848.001</b>
Khấu hao trong năm	115.101.515	255.409.091	132.938.127	-	503.448.733
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.012.161.563)	(1.355.125.001)	-	(3.367.286.564)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(1.384.539.236)	(1.625.837.984)	(1.269.124.848)	-	(4.279.502.068)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>168.913.886</b>	<b>4.317.016.469</b>	<b>2.463.920.862</b>	<b>1.465.656.885</b>	<b>8.415.508.102</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>970.375.388</b>	<b>1.035.822.983</b>	<b>927.157.714</b>	<b>-</b>	<b>2.933.356.085</b>
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>1.986.171.212</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.986.171.212</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 7.489.353.859 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8.746.722.947 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định đã mang đi thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 0 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Xây dựng cơ bản dở dang tại PTIC-ZTE	6.997.349.733	6.997.349.733
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh	589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang	5.037.401.712	5.037.401.712
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh (*)	5.037.401.712	5.037.401.712
<b>Cộng</b>	<b>12.624.197.695</b>	<b>12.624.197.695</b>

(\*) Theo Quyết định số 246/QĐ-ĐTPT-HĐQT ngày 19 tháng 09 năm 2003 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu C30 tại số 270 đường Lý Thường Kiệt, quận 10 và quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện dự án đang tạm dừng triển khai. Công ty đang làm các thủ tục với bên liên quan để thu hồi vốn đầu tư.

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>14.183.883.342</b>	<b>47.246.355.364</b>
Công ty CP Đầu tư TM và XD Hồng Hà	1.382.957.641	4.301.145.200
Công ty CP Ptic-ZTE Công nghệ Viễn thông	604.387.833	604.387.833
Công ty CP Đầu tư và sản xuất Việt Hàn	488.518.064	488.518.064
Các khách hàng khác	11.708.019.804	41.852.304.267
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.183.883.342</b>	<b>47.246.355.364</b>
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh 7.3)	447.125.200	447.125.200

**5.12 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.266.052.856</b>	<b>7.496.891.911</b>
Ban Quản lý dự án TP Biên Hòa	509.000.000	509.000.000
Ban Quản lý dự án nâng cấp đô thị TP Cần Thơ	-	246.104.539
Công ty TNHH một thành viên - Công ty TV QLDA khí	956.404.007	956.404.007
Các khách hàng khác	800.648.849	5.785.383.365
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.266.052.856</b>	<b>7.496.891.911</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Tri, phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.13 Thuế và các khoản phải thu, nợ Nhà nước**

	31/12/2018	Giảm khác (*)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2018
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
<b>a. Các khoản phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng	2.044.586.260	5.822.574	-	-	2.050.408.834
<b>Cộng</b>	<b>2.044.586.260</b>	<b>5.822.574</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.050.408.834</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>					
Thuế giá trị gia tăng	726.677.653	2.335.978.939	2.706.396.196	2.511.861.081	2.868.121.477
Thuế xuất nhập khẩu	422.521.846	-	-	-	422.521.846
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.628.175.442	422.693.015	13.604.562	44.006.116	4.081.270.011
Thuế thu nhập cá nhân	166.753.209	-	88.913.146	118.077.262	195.917.325
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.845.044	-	-	1.845.044
Thuế khác, phí và lệ phí	1.127.721.451	-	111.912.019	121.997.625	1.137.807.057
<b>Cộng</b>	<b>6.071.849.601</b>	<b>2.760.516.998</b>	<b>2.920.825.923</b>	<b>2.795.942.084</b>	<b>8.707.482.760</b>

(\*) Công ty đang đối chiếu số liệu thuế phải nộp, đã nộp với cơ quan thuế tại văn phòng Công ty và các chi nhánh, xí nghiệp. Do vậy số thuế chưa nộp không bị tính lãi chậm nộp thuế theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí dự án, công trình	4.030.314.813	7.963.764.846
Chi phí lãi vay	171.666.667	223.878.796
Chi phí phải trả khác	101.117.706	185.467.201
<b>Cộng</b>	<b>4.303.099.186</b>	<b>8.373.110.843</b>

**5.15 Phải trả khác**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	18.900.418	299.889.681
Bảo hiểm xã hội	4.200.927	-
Phải trả về cổ phần hoá;	51.520.000	51.520.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.575.000
Các khoản phải trả khác	8.096.272.078	33.772.602.294
- Ông Phạm Tùng Việt	622.805.883	2.999.940.169
- Ông Nguyễn Đình Thắng	-	1.245.949.520
- Ông Hoàng Xuân Tú	1.067.223.350	1.167.223.350
- Các khoản phải trả khác	6.406.242.845	28.359.489.255
<b>Cộng</b>	<b>9.369.468.423</b>	<b>35.322.586.975</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	642.900.000
Phải trả dài hạn khác	45.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000</b>	<b>642.900.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Trong năm				01/01/2018 (VND)
	31/12/2018 (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giảm khác (*) (VND)	
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>411.738.943</b>	-	-	<b>32.825.843.693</b>	<b>33.237.582.636</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	10.974.902.000	10.974.902.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	21.850.941.693	21.850.941.693
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	411.738.943	-	-	-	411.738.943
<b>Vay tổ chức kinh tế</b>	<b>66.913.039.902</b>	<b>93.578.340.186</b>	<b>26.665.300.284</b>	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	18.436.800.925	40.116.634.209	21.679.833.284	-	-
Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	41.729.448.552	41.729.448.552	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	4.985.467.000	4.985.467.000	-	-
Công ty CP Chứng khoán KB Việt Nam	6.746.790.425	6.746.790.425	-	-	-
<b>Vay cá nhân (i)</b>	<b>4.956.205.541</b>	<b>287.782.880</b>	<b>756.889.146</b>	<b>6.300.073.719</b>	<b>11.725.385.526</b>
Bà Ngô Thị Cúc	1.030.000.000	-	-	-	1.030.000.000
Ông Hoàng Đình Chiến	620.000.000	-	-	-	620.000.000
Vay các cá nhân khác	3.306.205.541	287.782.880	756.889.146	6.300.073.719	10.075.385.526
<b>Cộng</b>	<b>72.280.984.386</b>	<b>93.866.123.066</b>	<b>27.422.189.430</b>	<b>39.125.917.412</b>	<b>44.962.968.162</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.16b)	199.733.333.336				-
<b>Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>272.014.317.722</b>				<b>44.962.968.162</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản nợ vay ngắn hạn. Tuy nhiên, Công ty đã vi phạm cam kết về thời hạn thanh toán đối với các khoản vay cá nhân.

(\*) Giảm khác là các khoản vay của công ty con đã bán trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- (i) Vay cá nhân là các khoản huy động vốn ngắn hạn cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác với lãi suất từ 8%/năm đến 12%/năm để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay từ 01 đến 12 tháng.

**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn****Trái phiếu phát hành**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (VND)	Kỳ hạn (VND)	Giá trị (VND)	Lãi suất (VND)	Kỳ hạn (VND)
Loại phát hành theo mệnh giá	<b>200.000.000.000</b>	(*)	3 năm	<b>200.000.000.000</b>	(*)	3 năm
<b>Chi tiết trái chủ</b>						
<i>Công ty Cổ phần Chứng Khoán IB</i>	23.000.000.000			100.000.000.000		
<i>Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	100.000.000.000			100.000.000.000		
<i>Công ty Cổ phần SCI</i>	38.000.000.000			-		
<i>Quỹ đầu tư khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam</i>	9.000.000.000			-		
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&amp;MORE</i>	30.000.000.000			-		
<b>Chi phí phát hành trái phiếu (*)</b>	<b>(266.666.664)</b>			<b>(533.333.332)</b>		
<b>Cộng</b>	<b>199.733.333.336</b>			<b>199.466.666.668</b>		
Phân loại sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(199.733.333.336)			-		
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>			<b>199.466.666.668</b>		

- (\*) Tổng chi phí phát hành trái phiếu là 800.000.000 đồng. Công ty đã và đang thực hiện phân bổ đều chi phí này vào chi phí tài chính theo kỳ hạn trái phiếu (3 năm). Theo đó, chi phí phát hành được phân bổ vào chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh mỗi năm là 266.666.664 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, số chi phí phát hành còn chờ phân bổ vào chi phí tài chính là 266.666.664 đồng.

Giá trị trái phiếu của các trái chủ thay đổi do mua bán trái phiếu giữa các đơn vị với nhau, không làm thay đổi giá trị trái phiếu Công ty đã phát hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 200.000.000.000 đồng (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000.000 đồng). Trái phiếu phải hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 10,5%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên (kỳ tính lãi 6 tháng/lần), và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng hoặc kỳ 365 ngày (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) công bố tại Sở Giao dịch của bốn ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tiền thu được để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của công ty. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là cổ phiếu lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB bao gồm:

Bên đảm bảo	Tên tổ chức phát hành	Loại cổ phiếu	Niêm yết	Số lượng cổ phiếu
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	7.538.059
Ông Võ Anh Linh (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.350.240
Bà Trần Thị Kim Thoa (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.399.998
Ông Phạm Vĩnh Phú (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	2.272.648

- (i) Các cá nhân trên là chủ sở hữu hợp pháp các cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTC), các chứng khoán này được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và đã thực hiện phong tỏa các cổ phiếu thuộc sở hữu của các cá nhân trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.17 Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>179.999.990.000</b>	<b>35.684.263.731</b>	-	<b>27.646.195.601</b>	<b>(31.372.462.234)</b>	<b>19.176.611.392</b>	<b>231.134.598.490</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.008.687.233	(2.450.366.570)	2.558.320.663
Tăng khác	-	-	-	-	44.663.419	750.000.000	794.663.419
Trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	103.003.969	(206.007.938)	(97.535.723)	(200.539.692)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10.792.686.881)	-	-	-	(10.792.686.881)
Trả cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	(582.919.200)	(582.919.200)
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	12.394.112.906	(3.993.509.279)	8.400.603.627
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>179.999.990.000</b>	<b>35.684.263.731</b>	<b>(10.792.686.881)</b>	<b>27.749.199.570</b>	<b>(14.131.006.614)</b>	<b>15.302.280.620</b>	<b>233.812.040.426</b>
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(52.257.964.773)	(919.729.087)	(53.177.693.860)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	(103.003.969)	195.696.519	(9.907.869.101)	(9.815.176.551)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	8.998.921	(8.998.921)	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(45.000.000)	(45.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>179.999.990.000</b>	<b>35.684.263.731</b>	<b>(10.792.686.881)</b>	<b>27.646.195.601</b>	<b>(66.184.275.947)</b>	<b>4.420.683.511</b>	<b>170.774.170.015</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**b) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(1.790.000)	(1.790.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.790.000)	(1.790.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu phổ thông	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 (VND)/ cổ phần		

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>29.267.719.673</b>	<b>155.420.825.275</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	5.523.174.522	60.663.912.516
- Doanh thu hoạt động xây lắp	23.589.055.121	91.330.999.283
- Doanh thu bán thành phẩm xi măng	-	223.159.087
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	155.490.030	3.202.754.389
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>29.267.719.673</b>	<b>155.420.825.275</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Giá vốn bán hàng hóa	5.473.150.046	58.446.186.308
Giá vốn hoạt động xây lắp	21.137.160.937	79.897.919.559
Giá vốn thành phẩm xi măng	-	2.149.549.425
Giá vốn cung cấp dịch vụ	79.566.722	1.389.952.518
<b>Cộng</b>	<b>26.689.877.705</b>	<b>141.883.607.810</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.655.286.705	6.005.409.404
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	3.538.958.156	37.656.983.824
Lãi bán trái phiếu	-	210.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.244.380.000	6.957.200.000
Hoàn nhập dự phòng	-	66.000.000
Doanh thu tài chính khác (*)	(148.800.000)	968.401
<b>Cộng</b>	<b>22.289.824.861</b>	<b>50.896.561.629</b>

(\*) Khoản cổ tức đã chia từ năm 2008 của Công ty CP Thương mại và Du lịch Hà Tĩnh, Công ty ghi nhận vào doanh thu tài chính các năm trước năm nay phải trả lại cho các cổ đông khác.

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí lãi vay	24.593.477.440	29.825.982.739
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán	-	7.221.480.318
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	280.467.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(20.452.661.883)
Chi phí tài chính khác	696.416.241	670.613.750
<b>Cộng</b>	<b>25.570.360.681</b>	<b>17.265.414.924</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
<b>a) Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	541.069.629	230.898.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	44.625.000
Chi phí công cụ dụng cụ	-	384.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.783.234	1.361.782.232
Chi phí bằng tiền khác	-	3.410.198.329
<b>Cộng</b>	<b>777.852.863</b>	<b>5.047.888.543</b>
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	2.051.502.644	7.853.741.089
Chi phí công cụ, dụng cụ	803.282.276	1.197.902.513
Chi phí nguyên vật liệu	-	185.062.313
Khấu hao tài sản cố định	139.585.322	425.709.060
Thuế, phí, lệ phí	27.243.227	117.923.962
Chi phí dự phòng	12.746.061.033	16.723.596.884
Dịch vụ mua ngoài	2.166.813.638	2.775.525.438
Chi phí bằng tiền khác	1.732.815.408	3.918.945.250
<b>Cộng</b>	<b>19.667.303.548</b>	<b>33.198.406.509</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Thanh lý tài sản cố định	266.724.745	2.383.719.435
Các khoản thu khác	688.470.816	634.159.283
<b>Cộng</b>	<b>955.195.561</b>	<b>3.017.878.718</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng	1.198.782.610	4.091.641.406
Giá trị xây lắp dở dang đã hết doanh thu	5.381.788.899	-
Tiền thuê mặt bằng	563.402.952	-
Ghi giảm Tài sản thiếu chờ xử lý	1.687.007.566	-
Ghi nhận chi phí Dự án tiểu khu đô thị Viễn thông & Công nghệ thông tin Nghệ An	33.752.884.925	-
Các khoản chi phí khác	1.434.360.944	1.021.006.705
<b>Cộng</b>	<b>44.018.227.896</b>	<b>5.112.648.111</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>13.604.562</b>	<b>464.687.514</b>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	-	-
Công ty CP Xây lắp Bưu điện Miền Trung	-	355.586.333
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2	-	67.106.682
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	13.604.562	41.994.499
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(9.106.007)</b>	<b>(93.424.189)</b>
Lãi bán TSCĐ cho Công ty con	-	(467.120.947)
Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	-
Khấu hao TSCĐ mua bán nội bộ	(45.530.037)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(9.106.007)	(93.424.189)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.9 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(52.257.964.773)	5.008.687.233
Các khoản điều chỉnh	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(52.257.964.773)</b>	<b>5.008.687.233</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	16.209.999	17.637.095
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(3.224)</b>	<b>284</b>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.388.244.078	29.177.679.089
Chi phí nhân công	7.849.596.089	29.731.479.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.448.733	2.086.007.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.712.554.318	48.544.078.397
Chi phí khác bằng tiền	434.842.027	7.976.552.843
<b>Cộng</b>	<b>17.888.685.245</b>	<b>117.515.797.369</b>

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1 Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại tầng 3 tháp C, tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Các Công ty con cũng có trụ sở chính tại Hà Nội. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.



### **Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, bộ phận kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng và kinh doanh chứng khoán. Hiện hoạt động xây dựng phát sinh tại Công ty mẹ không đáng kể, hoạt động kinh doanh chứng khoán không được thành lập một bộ phận riêng. Phần lớn doanh thu trong kỳ đều là của các Công ty con đã thoái vốn. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

### **7.2 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

#### **(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>Ngày 31/12/2018</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>	<b>389.735.795.202</b>	<b>116.732.883.964</b>	<b>506.468.679.166</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.204.506.049	-	5.204.506.049
Phải thu khách hàng	43.277.797.247	-	43.277.797.247
Đầu tư	256.149.413.279	116.676.068.964	372.825.482.243
Phải thu về cho vay	48.900.197.500	-	48.900.197.500
Phải thu khác	36.203.881.127	56.815.000	36.260.696.127
<b>Trừ:</b>	<b>52.581.561.920</b>	<b>4.930.000.000</b>	<b>57.511.561.920</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	51.468.094.920	-	51.468.094.920
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	1.113.467.000	4.930.000.000	6.043.467.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>337.154.233.282</b>	<b>111.802.883.964</b>	<b>448.957.117.246</b>
<b>Ngày 31/12/2018</b>			
Các khoản vay và nợ	272.014.317.722	-	272.014.317.722
Phải trả người bán	14.183.883.342	-	14.183.883.342
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	13.672.567.609	45.000.000	13.717.567.609
<b>Tổng cộng</b>	<b>299.870.768.673</b>	<b>45.000.000</b>	<b>299.915.768.673</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>37.283.464.609</b>	<b>111.757.883.964</b>	<b>149.041.348.573</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>	<b>405.451.564.766</b>	<b>78.698.756.791</b>	<b>484.150.321.557</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.445.872.122	-	29.445.872.122
Phải thu khách hàng	116.776.116.653	-	116.776.116.653
Đầu tư	193.067.381.388	78.641.941.791	271.709.323.179
Phải thu về cho vay	22.500.000.000	-	22.500.000.000
Phải thu khác	43.662.194.603	56.815.000	43.719.009.603
<b>Trừ:</b>	<b>41.147.672.966</b>	<b>4.930.000.000</b>	<b>46.077.672.966</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	40.228.672.966	-	40.228.672.966
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	919.000.000	4.930.000.000	5.849.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>364.303.891.800</b>	<b>73.768.756.791</b>	<b>438.072.648.591</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
Các khoản vay và nợ	44.962.968.162	199.466.666.668	244.429.634.830
Phải trả người bán	47.246.355.364	-	47.246.355.364
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	43.695.697.818	642.900.000	44.338.597.818
<b>Tổng cộng</b>	<b>135.905.021.344</b>	<b>200.109.566.668</b>	<b>336.014.588.012</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>228.398.870.456</b>	<b>(126.340.809.877)</b>	<b>102.058.060.579</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Đơn vị tính: VND	
			Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu	86.996.806.850	153.036.812.780	86.996.806.850	153.036.812.780
<i>Phải thu khách hàng</i>	43.277.797.247	116.776.116.653	43.277.797.247	116.776.116.653
<i>Phải thu khác</i>	43.719.009.603	36.260.696.127	43.719.009.603	36.260.696.127
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	310.254.116.828	245.013.253.510	310.254.116.828	245.013.253.510
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	252.619.413.279	192.827.409.604	252.619.413.279	192.827.409.604
<i>Cho vay ngắn hạn</i>	48.900.197.500	22.500.000.000	48.900.197.500	22.500.000.000
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	3.530.000.000	239.971.784	3.530.000.000	239.971.784
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5.204.506.049	29.445.872.122	5.204.506.049	29.445.872.122
<b>Tổng cộng</b>	<b>397.250.923.678</b>	<b>398.050.066.290</b>	<b>397.250.923.678</b>	<b>398.050.066.290</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính	299.915.768.673	336.014.588.012	299.915.768.673	336.014.588.012
<i>Vay và nợ</i>	272.014.317.722	244.429.634.830	272.014.317.722	244.429.634.830
<i>Phải trả người bán</i>	14.183.883.342	47.246.355.364	14.183.883.342	47.246.355.364
<i>Phải trả khác</i>	13.717.567.609	44.338.597.818	13.717.567.609	44.338.597.818
<b>Tổng cộng</b>	<b>299.915.768.673</b>	<b>336.014.588.012</b>	<b>299.915.768.673</b>	<b>336.014.588.012</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**7.3 Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC	Công ty liên kết	Hà Nội
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty liên kết	Hà Giang

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
<b>Phải trả người bán</b>	<b>447.125.200</b>	<b>447.125.200</b>
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC	447.125.200	447.125.200

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Lương, thưởng	628.033.252	423.106.586
<b>Cộng</b>	<b>628.033.252</b>	<b>423.106.586</b>

**7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán**

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7.5 Thông tin so sánh**

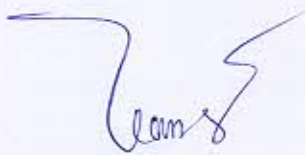
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Công Khời